

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIAO THÔNG - CÔNG CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 02 năm 2008

Số: 569/QĐ-SGTCC

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân cấp quản lý các công trình đường bộ trên

địa bàn thành phố Hồ Chí Minh cho Ủy ban nhân dân các quận-huyện

ỦY BAN NHÂN DÂN
CỘNG HÒA VIỆT NAM

SỐ: 4946
NGÀY: 24/3/08

GIÁM ĐỐC SỞ GIAO THÔNG - CÔNG CHÍNH

- Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-UB ngày 09/01/1991 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông công chính và Quyết định số 1187/QĐ-UB ngày 21/3/2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố về đổi tên Sở Giao thông công chính thành Sở Giao thông-Công chính trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố;

- Căn cứ Quyết định số 22/2007/QĐ-UB ngày 09/02/2007 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về việc ban hành qui chế tổ chức và hoạt động của Sở Giao thông Công chính;

- Căn cứ Quyết định số 132/2002/QĐ-UB ngày 18/11/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc phân cấp quản lý một số lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật;

- Căn cứ Quyết định số 197/QĐ-SGTCC ngày 17/01/2007 của Sở Giao thông-Công chính về việc phân cấp quản lý một số công trình cầu đường trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

- Căn cứ Quyết định số 979/QĐ-SGTCC ngày 29/03/2007 của Sở Giao thông-Công chính về việc điều chỉnh và phân cấp quản lý bổ sung một số công trình đường bộ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

- Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Giao thông, Sở Giao thông - Công chính.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1 : Nay phân cấp quản lý một số công trình đường bộ (cầu, đường) trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh (danh mục đính kèm) cho Ủy ban nhân dân các quận-huyện.

Điều 2 : Ủy ban nhân dân các quận-huyện có trách nhiệm:

2.1. Tổ chức quản lý, duy tu sửa chữa, nâng cấp cầu, đường được phân cấp quản lý để đảm bảo giao thông thông suốt, an toàn theo đúng các qui định hiện hành của Nhà- nước.

2.2. Kiểm tra, đánh giá, thống kê, cập nhật đầy đủ các số liệu cơ bản để làm cơ sở cho công tác quản lý và xây dựng kế hoạch quản lý, duy tu sửa chữa hàng năm.

2.3. Hàng năm vào Quý 3, tổ chức kiểm tra, rà soát lại các tuyến đường trên địa bàn do Quận-Huyện quản lý, kịp thời phát hiện các tuyến đường không nằm trong danh mục phân cấp quản lý để trình Sở Giao thông-Công chính xem xét bổ sung phân cấp.

2.4. Hàng năm vào Quý 4, báo cáo số liệu cầu, đường cần điều chỉnh, bổ sung phân cấp quản lý về Sở Giao thông-Công chính, để Sở Giao thông-Công chính xem xét; có Quyết định phân cấp quản lý.

Điều 3: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các quyết định trước đây của Sở Giao thông-Công chính trái với quyết định này.

Điều 4: Các ông (bà): Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Quản lý giao thông bộ, Trưởng phòng Kế hoạch và Đầu tư, Trưởng phòng Quản lý Dịch vụ Đô thị, Trưởng phòng Quản lý Vận tải - Công nghiệp, Trưởng phòng Pháp chế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận-huyện và Thủ trưởng các đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực UBND TP. (để báo cáo);
- Văn Phòng UBND TP (để báo cáo);
- Sở KH-ĐT, TC, XD;
- CA.TP;
- Sở GTCC (GD, các PGĐ Sở);
- Khu QLGTĐT số 1, 2, 3, 4;
- Cty QLCTGT Sài Gòn;
- Cty QLCT Cầu Phà TP;
- Lưu VP (P.GT).55

GIÁM ĐỐC



Trần Quang Phụng

BẢNG TỔNG HỢP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG DO UBND QUẬN PHÚ NHUẬN QUẢN LÝ
TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN PHÚ NHUẬN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 569/QĐ-SGTCC ngày 29/02/2008 của Sở GTCC)

STT	TÊN ĐƯỜNG	LÝ TRÌNH TỪ → ĐẾN	CHIỀU DÀI		BỀ RỘNG MẶT ĐƯỜNG	DIỆN TÍCH MẶT ĐƯỜNG	KẾT CẤU MẶT ĐƯỜNG	GHI CHÚ
			ĐƯỜNG BỘ	TIÊU ĐÁO, DÂY PHÂN CÁCH				
			(m)	(m)	(m)	(m ²)		
26			9.238			40.110		
1	Cầm Bá Thước	Phan Đăng Lưu - Ký Con	294		4,0	1.176	BTN	
2	Cao Thắng	Phan Đình Phùng - Nguyễn Văn Trỗi	347		5,0	1.735	Láng nhựa	
3	Chiến Thắng	Hoàng Văn Thụ - Nguyễn Kiệm	350		2,5	875	Đá dăm	
4	Cô Bắc	Phan Đình Phùng - Cuối Đường	147		4,0	588	BTN	
5	Cô Giang	Phan Đình Phùng - Cuối Đường	445		4,0	1.778	BTN	
6	Đào Duy Từ	Phan Đình Phùng - Ngô Thời Nhiệm	165		5,0	825	Láng nhựa	
7	Đoàn Thị Điểm	Phan Đăng Lưu - Số nhà 215/63/1	160		5,0	800	BTN	
8	Duy Tân	Nguyễn Văn Trỗi - Huỳnh Văn Bánh	448		4,0	1.792	Láng nhựa	
9	Hải Nam 2	Phan Đăng Lưu - Nhà Số 39	100		6,0	600	Láng nhựa	
10	Hồ Biểu Chánh	Nguyễn Văn Trỗi - Huỳnh Văn Bánh	385		4,0	1.540	Láng nhựa	
11	Hoàng Diệu	Đặng Văn Ngữ - Trương Quốc Dung	354		4,5	1.591	BTN	
12	Ký Con	Phan Đăng Lưu - Cầm Bá Thước	192		5,0	960	Láng nhựa	
13	Lê Quý Đôn	Huỳnh Văn Bánh - 108/24 (ranh Q.3)	150		5,7	855	BTN	
14	Lê Tự Tài	Nguyễn Kiệm - Thích Quảng Đức	446		5,9	2.631	BTN	
15	Mai Văn Ngọc	Nguyễn Văn Trỗi - Trần Hữu Trang	287		5,0	1.435	Láng nhựa	
16	Nguyễn Công Hoan	Phan Đăng Lưu - Trần Kế Xương	140		7,0	980	BTN	

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐỐI TƯỢNG TỪ → ĐẾN	CHỈ DẠY		HỆ SỐ ĐƯỜNG	DIỆN TÍCH MẶT ĐƯỜNG	MATERIAL	GHI CHÚ
			ĐƯỜNG SỐ	ĐƯỜNG PHÂN CÁCH				
			(m)	(m)	(m)	(m ²)		
17	Nguyễn Đình Chiểu	Nguyễn Đình Chiểu - Cầu Hàng	100		5,0	1.000	BTN	
18	Nguyễn Đình Chiểu	Huyền Văn Sách - Nguyễn Trọng Tuyển	1.198		4,0	4.790	BTN	
19	Nguyễn Thị Huỳnh	Nguyễn Trọng Tuyển - Nguyễn Văn Trỗi	463		4,0	1.852	Láng nhựa	
20	Nguyễn Trường Tộ	Cao Thắng - Rạch Tân Nhè	163		1,5	245	Láng nhựa	
21	Nhiều Tử	Trần Kế Xương - Rạch Miễu	210		4,0	840	Đá dăm	
22	Phan Tây Hồ	Cầm Bá Thước - NS 132/1	180		3,5	630	Đá dăm	
23	Phùng Văn Cung	Đường Sắt - Rạch Miễu	1.000		5,0	5.000	BTN	
24	Trần Cao Văn	Trần Huy Liệu - Hồ Biểu Chánh	136		3,5	476	Láng nhựa	
25	Trần Hữu Trang	Lê Văn Sĩ - Hồ Biểu Chánh	692		4,0	2.768	Láng nhựa	
26	Trần Khắc Chân	Nguyễn Trọng Tuyển - Hoàng Văn Thụ	587		4,0	2.348	Láng nhựa	

Phố Lam Sơn: A. Bình Thạnh quản lý, hẻm từ D. 1N quản.

x. 1N hẻm 6. 1N → x. 1N quản.

Ghi chú:
* Đường 1N: A. Bình Thạnh quản lý

BTXM Bê tông xi măng

BTN Bê tông nhựa

CP Cấp phối

Năm XD Năm xây dựng mới hoặc sửa chữa lớn

Năm DT Năm duy tu đường